

LA BÀN ĐẦU TƯ

Tuần 19 - 23/08/2024

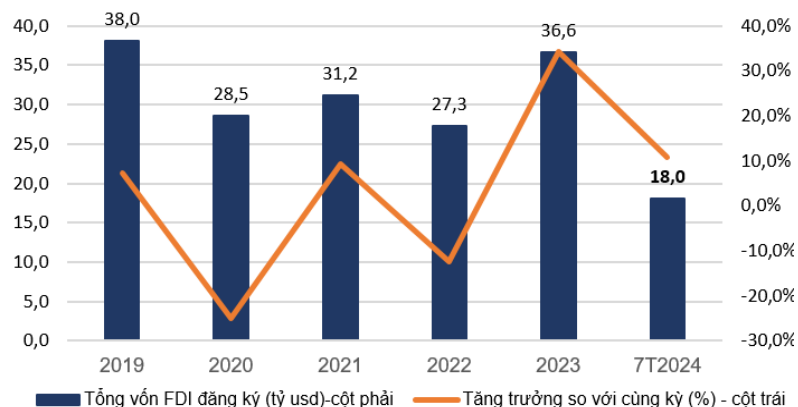


1. Tiêu điểm vĩ mô & sự kiện tuần qua



Việt Nam: Thu hút vốn đầu tư FDI tiếp tục khởi sắc trong 7 tháng đầu năm

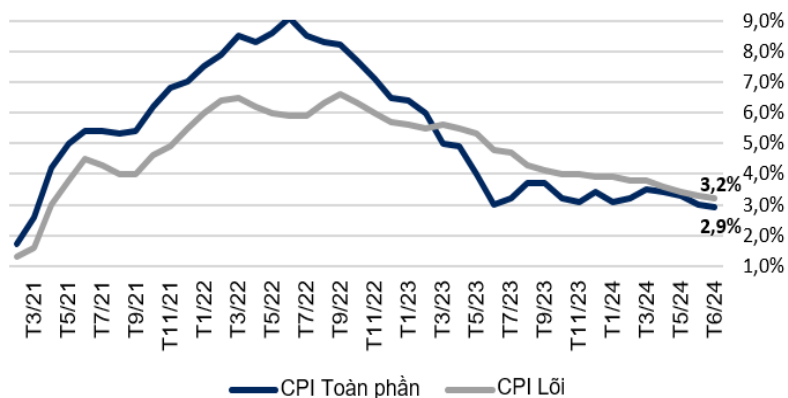
Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam các năm qua



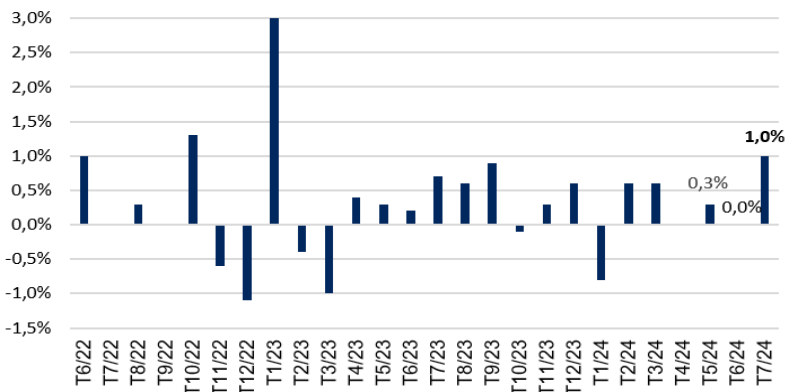
- Thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) của Việt Nam tiếp tục khởi sắc trong 7T2024 với tổng vốn đăng ký và thực hiện đạt lần lượt 18 tỷ usd và 12,55 tỷ usd, tăng lần lượt 10,9% svck và 8,4% svck.
- Lũy kế thu NSNN 7T2024 ước đạt 1.188,1 nghìn tỷ đồng, bằng 69,8% dự toán và tăng 14,6% so với cùng kỳ năm 2023.
- Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu (KH&ĐT), tính đến cuối T7/24, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt hơn 18 tỷ usd, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2023. Như vậy, trong 7T2024, cả vốn đầu tư đăng ký và vốn đầu tư thực hiện tiếp tục tăng so với cùng kỳ, với mức tăng lần lượt là 10,9% và 8,4%. Trong đó, vốn giải ngân đạt hơn 12,55 tỷ usd, tăng 8,4% svck, đây là số vốn FDI thực hiện cao nhất trong 7 tháng của 5 năm giai đoạn 2020-2024. Theo Bộ Trưởng bộ KH&ĐT, không chỉ tổng vốn đầu tư FDI vào Việt Nam tiếp tục khởi sắc trong 7T2024, chất lượng dòng vốn FDI cũng tăng mạnh nhờ việc lựa chọn thu hút đầu tư kỹ lưỡng. Nhiều tổ chức quốc tế dự báo, với động lực này, hứa hẹn vốn FDI giải ngân thời gian tới sẽ cao hơn, đồng thời môi trường kinh doanh của Việt Nam cũng được cộng đồng doanh nghiệp FDI đánh giá cao, cơ sở hạ tầng với nhiều dự án lớn, động lực lan tỏa... đang được triển khai đầu tư hoàn thiện là điều kiện để đón sóng đầu tư FDI thời gian tới.
- Theo số liệu của Bộ Tài chính, lũy kế thu NSNN 7T2024 ước đạt 1.188,1 nghìn tỷ đồng, bằng 69,8% dự toán và tăng 14,6% svck. Trong đó, thu nội địa ước đạt 995 nghìn tỷ đồng, bằng 68,9% dự toán, tăng 15,8% svck; thu từ dầu thô ước đạt 34,4 nghìn tỷ đồng, bằng 74,7% dự toán, giảm 2,7% svck; thu cân đối từ hoạt động XNK ước đạt 158,5 nghìn tỷ đồng, bằng 77,7% dự toán, tăng 11,7% svck. Lũy kế chi NSNN 7T2024 ước đạt 948,3 nghìn tỷ đồng, bằng 44,7% dự toán, tăng 0,6% svck. Trong đó, chi ĐTPT ước đạt khoảng 232,1 nghìn tỷ đồng, bằng 34,3% dự toán Quốc hội quyết định, bằng 34,68% kế hoạch Thủ tướng giao và giảm 8,4% svck.

Thế Giới: Mỹ CPI tiếp tục hạ nhiệt và Doanh số bán lẻ tăng mạnh trong tháng 7

Chỉ số CPI của Mỹ



Tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng tháng của Mỹ



www.vndirect.com.vn

- CPI toàn phần và CPI lõi T7/24 của Mỹ tăng lần lượt 2,9% yoy và 3,2% yoy, cùng hạ nhiệt so với mức tăng 3,0% yoy và 3,3% yoy của T7/24.
- Doanh số bán lẻ toàn phần trong T7/24 của Mỹ tăng mạnh với mức tăng 1% mom, cao hơn so với dự báo tăng 0,4% mom của các chuyên gia.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần T7/24 của Mỹ tăng 0,2% mom và tăng 2,9% yoy, mức tăng này thấp hơn mức dự báo tăng 3,0% yoy của các chuyên gia, và cũng hạ nhiệt so với mức tăng 3,0% yoy của T6/24. CPI lõi T7/24 cũng hạ nhiệt với mức tăng 0,2% mom và tăng 3,2% yoy, thấp hơn so với mức tăng 3,3% yoy của T6/24. Các nhóm hàng hóa tăng trong T7/24 bao gồm nhóm thực phẩm (+0,2% mom), nhóm nhà ở (+0,4% mom). Ở chiều ngược lại giá nhóm năng lượng không tăng so với tháng trước, xe ô tô đã qua sử dụng và xe mới giảm lần lượt 0,2% mom và 2,3% mom. Chỉ số giá sản xuất (PPI) của Mỹ cũng hạ nhiệt trong T7/24 khi PPI toàn phần tăng 0,1% mom và tăng 2,2% yoy hạ nhiệt so với mức tăng 2,7% yoy của T6/24, PPI lõi tăng 0,0% mom và tăng 2,4% yoy hạ nhiệt so với mức tăng 3,0% yoy của T6/24.
- Doanh số bán lẻ (DSBL) toàn phần T7/24 của Mỹ tăng mạnh với mức tăng 1% mom, cao hơn mức dự báo tăng 0,4% của các chuyên gia. DSBL lõi T7/24 tăng 0,4% mom và cao hơn so với mức dự báo tăng 0,1% mom của các chuyên gia. DSBL T7/24 của Mỹ tăng mạnh là nhờ doanh số bán hàng tại các đại lý xe cơ giới và phụ tùng tăng 3,6% mom, doanh số bán hàng tại cửa hàng điện tử và thiết bị tăng 1,6% mom và doanh số tại các cửa hàng thực phẩm và đồ uống tăng 0,9% mom. DSBL T7/24 của Mỹ tăng mạnh cũng làm giảm bớt lo ngại về khả năng nền kinh tế Mỹ sẽ rơi và suy thoái.

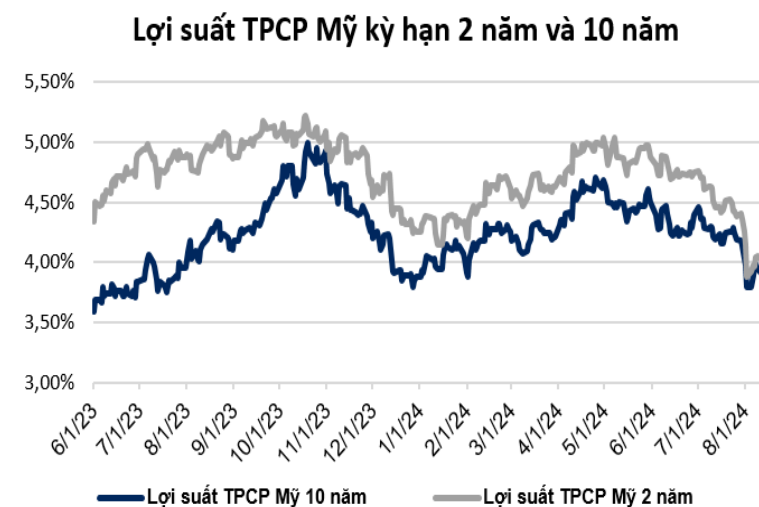
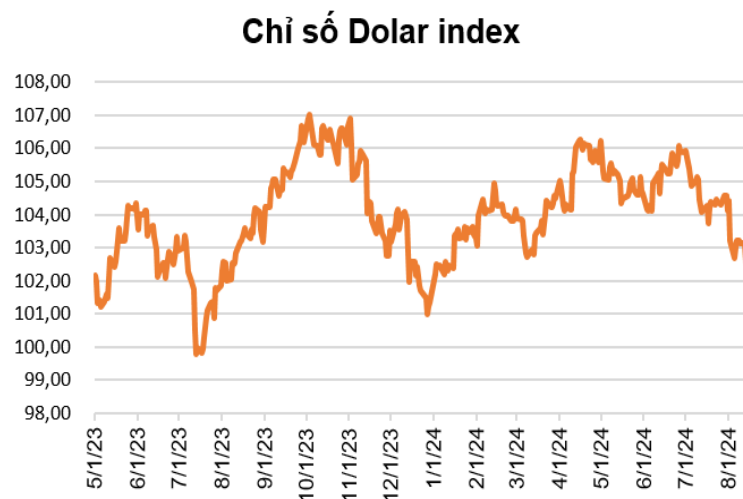
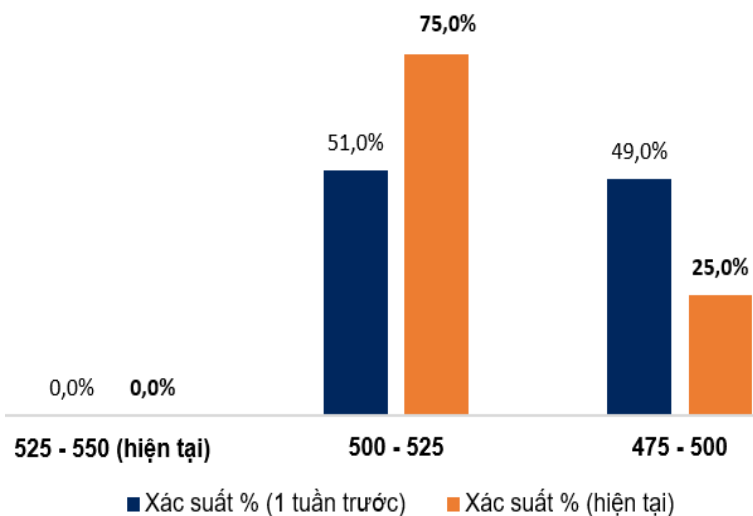
Nguồn: Bloomberg, CME, VNDIRECT RESEARCH

Dự báo của thị trường nghiêng về kịch bản Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất trong cuộc họp T9/2024

75% các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất điều hành và 25% dự báo Fed sẽ giảm 0,5% lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 9.2024.

DXY đóng cửa ở mức 102,4 điểm, giảm 0,71% so với tuần trước (wow) và tăng 1,05% so với đầu năm 2024 (ytd).

Lãi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 2 năm ở mức 4,054% giảm 0 bps wow và giảm 19,6 bps ytd; LS kỳ hạn 10 năm ở mức 3,883% giảm 5,7 bps wow và tăng 3,9 bps ytd



Lạm phát CPI của Mỹ tiếp tục hạ nhiệt trong tháng 7 là thông tin hỗ trợ cho đà giảm của cả chỉ số Dolar và lãi suất TPCP Mỹ trong tuần qua. Dự báo của thị trường về quyết định lãi suất trong kỳ họp tháng 9 của Fed đang nghiêng về kịch bản Fed sẽ tiếp tục giữ nguyên lãi suất điều hành trong cuộc họp này (cuộc họp tháng 9 của Fed sẽ diễn ra vào thứ 4, ngày 18/09/24 theo giờ địa phương).

Lịch sự kiện quan trọng tuần này

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Tư 21/08/2024	Mỹ	Biên bản cuộc họp chính sách tháng 7.2024 của Fed
Thứ Năm 22/08/2024	Mỹ	Số liệu sơ bộ PMI sản xuất và PMI dịch vụ tháng 8.2024 Hội nghị kinh tế Jackson Hold ngày 1
Thứ Sáu 23/08/2024	Mỹ	Hội nghị kinh tế Jackson Hold ngày 2 (đáng chú ý là bài phát biểu của Chủ tịch Fed tại Hội nghị)

2. Chiến lược đầu tư đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện



Chiến lược đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

Môi trường vĩ mô duy trì hỗ trợ, kênh chứng khoán vẫn là lựa chọn hàng đầu hiện nay

Đánh giá các yếu tố vĩ mô/sự kiện chính	Đánh giá tác động với các kênh tài sản chính
<p>Các NHTW trên thế giới đang bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Trên toàn cầu, chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ đang dần kết thúc khi ngày càng nhiều ngân hàng trung ương lớn đã cắt giảm hoặc chuẩn bị cắt giảm lãi suất chính sách trong năm 2024. Từ đầu năm 2024, đã có 74 lần cắt giảm lãi suất trên toàn cầu, bao gồm các ngân hàng lớn như ECB, SNB và BOC. Con số này cao hơn nhiều so với chỉ 16 lần tăng lãi suất trên toàn cầu kể từ đầu năm nay. ▪ Xu hướng giảm lãi suất chính sách sẽ trở nên nổi bật hơn trong nửa cuối năm 2024 và sau đó, nhờ đó làm dịu môi trường tín dụng và hỗ trợ dòng vốn đầu tư toàn cầu. Các tài sản tại các thị trường mới nổi và cận biên sẽ hưởng lợi từ sự thay đổi này.
<p>Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tại Việt Nam, nền tảng kinh tế vĩ mô vẫn vững chắc. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024 nhờ hoạt động sản xuất cải thiện, triển vọng xuất khẩu tích cực và chính sách tài khóa mở rộng. Trong khi đó, các thách thức kinh tế như lạm phát và áp lực tỷ giá có thể dần hạ nhiệt vào cuối năm nay. ▪ Nền tảng kinh tế vĩ mô và thị trường vẫn hỗ trợ cho một cách tiếp cận chủ động và chấp nhận rủi ro trong nửa cuối năm 2024. Triển vọng cổ phiếu vẫn khá tích cực. Mặc dù đà tăng của chỉ số chung có thể bị hạn chế do đợt tăng mạnh trước đó vào nửa đầu năm 2024, nhưng thị trường vẫn chứa đựng một số cơ hội đầu tư nổi bật trong một số ngành. ▪ Vàng miếng có thể mất đi sức hấp dẫn khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hành động mạnh mẽ để quản lý kênh đầu tư này. ▪ Tiền gửi sẽ vẫn là lựa chọn của phần lớn các nhà đầu tư không chuyên, đặc biệt khi lãi suất có xu hướng tăng dù ở mức độ vừa phải. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản đang bước vào giai đoạn phục hồi ban đầu và sẽ cần những cách tiếp cận chuyên nghiệp và đầu tư dài hạn.

Đánh giá triển vọng các kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

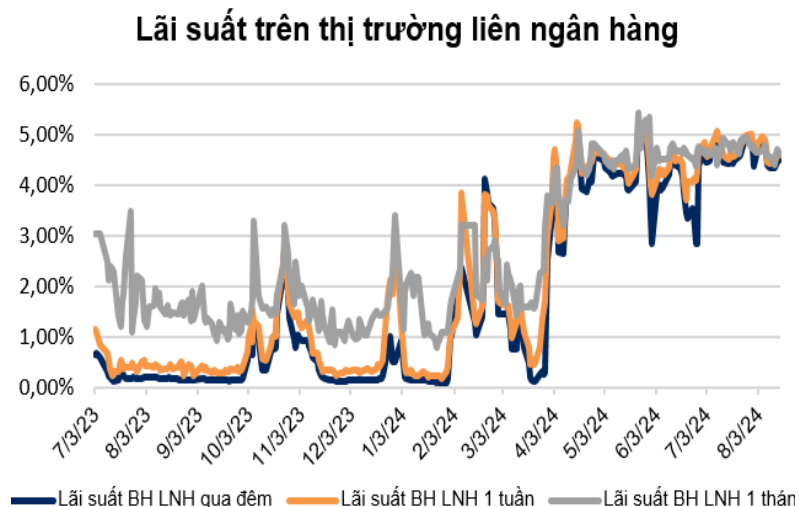
	Ngắn hạn (< 3 tháng)			Trung hạn (>3 tháng - 1 năm)			Dài hạn (> 1 năm)		
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Tiền gửi tiết kiệm		X			X			X	
Cổ phiếu			X			X			X
Trái phiếu chính phủ		X			X			X	
Bất động sản		X			X			X	
Vàng	X				X			X	
USD		X			X			X	

3. La bàn thị trường đa kênh tài sản

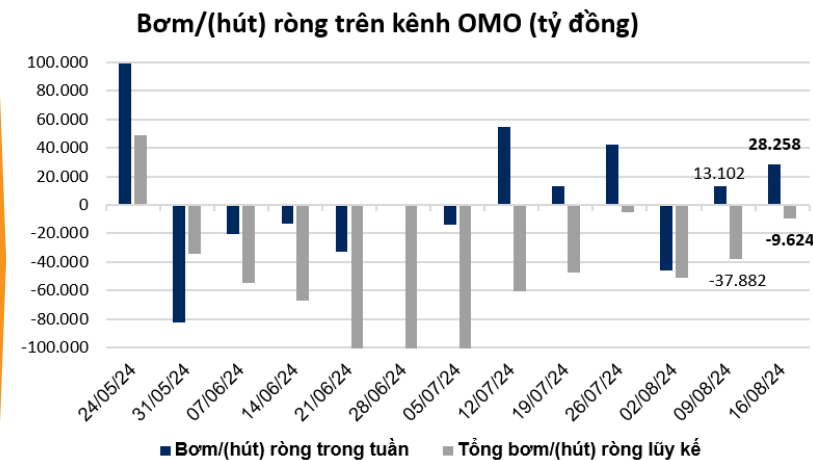


3.1 Thị trường tiền tệ VN: Tỷ giá USD – VNĐ tiếp tục điều chỉnh

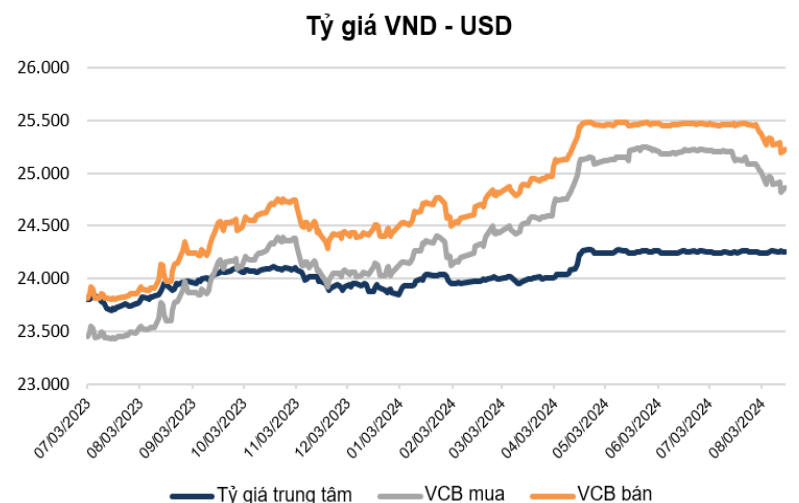
Lãi suất LNH ổn định. Kỳ hạn qua đêm hiện ở mức 4,52% (+10 bps wow), kỳ hạn 1 tuần ở mức 4,61% (+16 bps wow), kỳ hạn 1 tháng hiện ở mức 4,64% (+4 bps wow) (số liệu cập nhật hết ngày 15/08/2024)



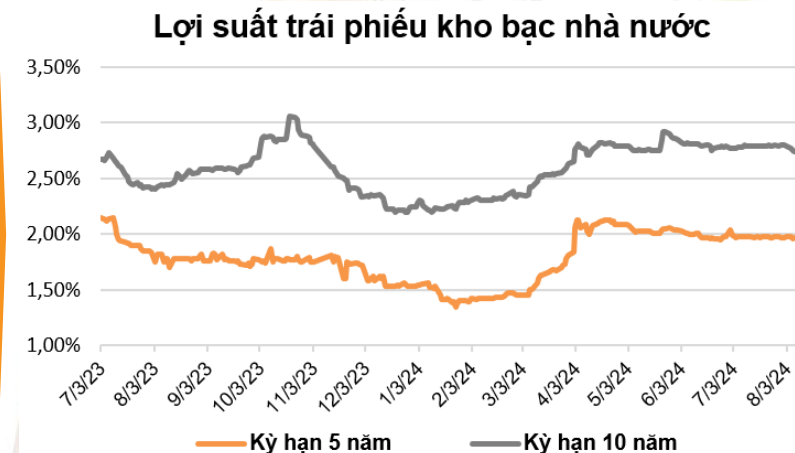
NHNN tiếp tục bơm ròng trở lại trên kênh OMO, tổng giá bơm ròng trong tuần là 28.258 tỷ đồng. Tổng giá trị hút ròng lũy kế hiện còn 9.624 tỷ đồng.



Tỷ giá USD-VND tiếp tục điều chỉnh. Hiện giá mua và bán tại Vietcombank lần lượt là 24.860 đ và 25.230 đ giảm 0,16% wow và tăng 3,32% ytd (theo giá bán). Trong khi tỷ giá trung tâm hiện là 24.254 đ, giảm 0,02% wow và tăng 1,63% ytd.

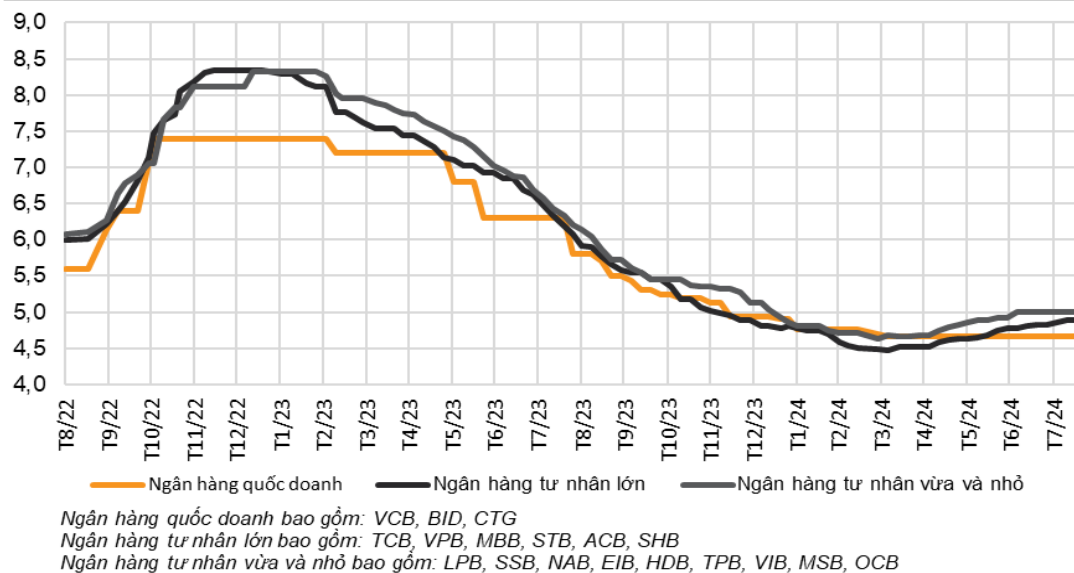


Lợi suất TP KBNN tiếp tục giảm nhẹ, lợi suất kỳ hạn 10 năm hiện ở mức 2,72%, giảm 2 bps wow và tăng 48 bps ytd, lợi suất TP kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 1,96% giảm 2 bps wow và tăng 43 bps ytd.

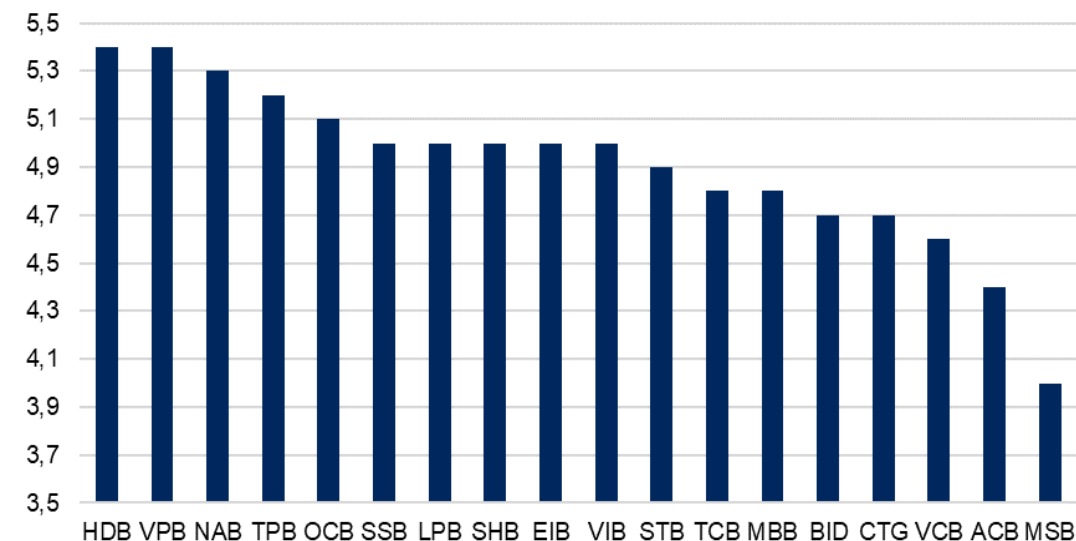


Các ngân hàng giữ nguyên lãi suất đối với kỳ hạn 3 tháng, 6 tháng và 12 tháng

Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12T của các nhóm Ngân hàng



Thống kê lãi suất tiền gửi 12 tháng của một số ngân hàng

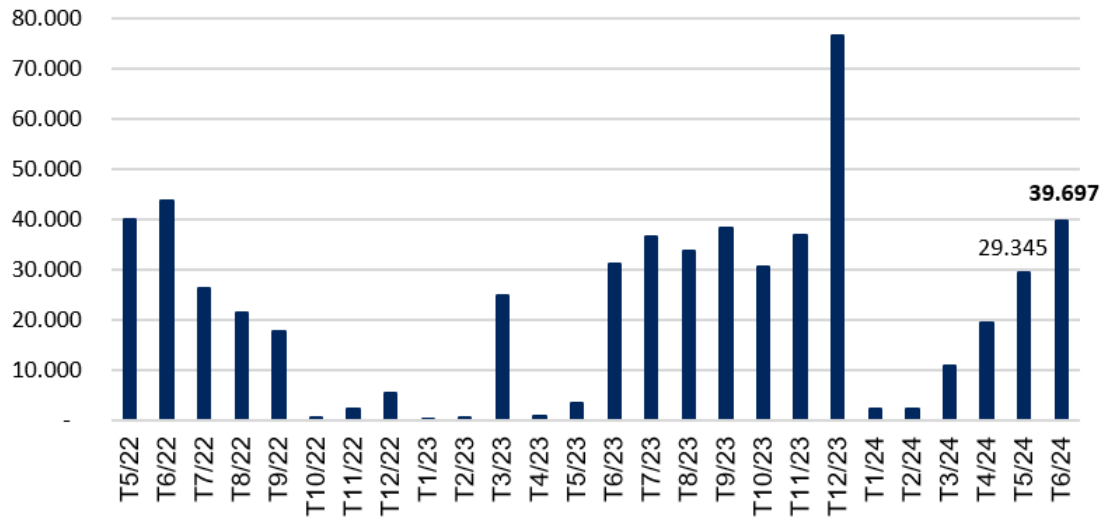


- Trong tuần từ 09/08 – 16/08/2024, bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của nhóm NH quốc doanh, NH tư nhân lớn và NH tư nhân vừa & nhỏ giữ nguyên ở mức lần lượt 4,67%/4,88%/5,0%.
- NH có mức lãi suất huy động 12 tháng cao nhất là HDB và VPB (5,4%), NH có mức lãi suất huy động 12 tháng thấp nhất là MSB (4,0%). Lãi suất huy động ở các kỳ hạn 3 tháng và 6 tháng cũng được giữ nguyên tại 18 ngân hàng chúng tôi theo dõi.

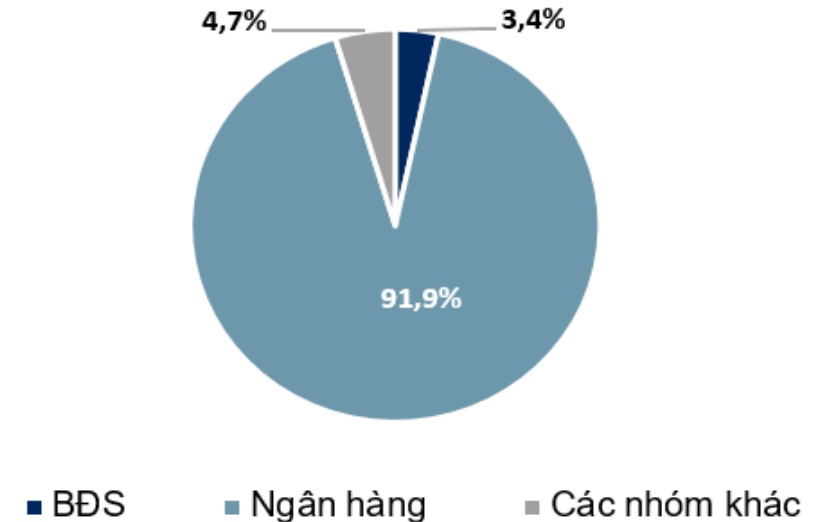
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL) tiếp tục ấm lên trong tháng 6 nhờ sự gia tăng phát hành của nhóm ngân hàng

Giá trị TPDN riêng lẻ phát hành theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 27/06/24



Cơ cấu TPDNRL phát hành theo nhóm ngành trong T6/24
- số liệu được tổng hợp đến ngày 27/06/24

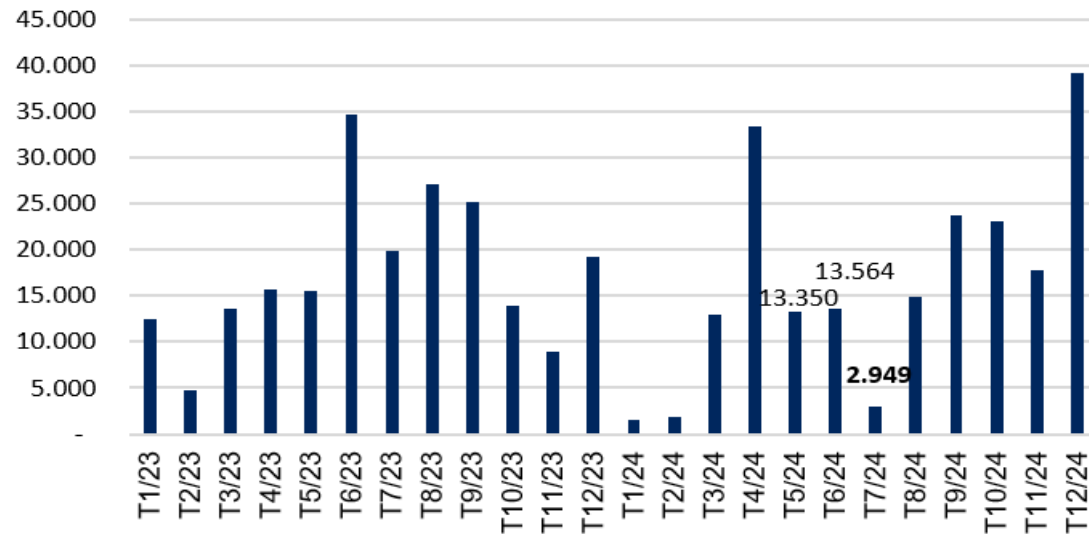


- Theo số liệu được công bố đến ngày 27/06/24, trong T6/24 có 29 đợt phát hành TPDNRL thành công với tổng giá phát hành đạt 39.697 tỷ đồng, tăng 35,3% so với tháng trước và tăng 28,1% svck. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024 tổng giá trị TPDNRL phát hành đạt hơn 103 nghìn tỷ đồng, tăng 70,6% svck.
- Hoạt động phát hành riêng lẻ trong T6/24 tiếp tục ấm lên nhờ sự gia tăng phát hành trở lại của nhóm Ngân hàng. Trong T6/24 có 21 đợt phát hành riêng lẻ của nhóm Ngân hàng với tổng trị phát hành là 36.470 tỷ đồng, chiếm 91,9% tổng giá trị phát hành. Lũy kế 6 tháng đầu năm tổng giá trị phát hành của nhóm Ngân hàng đạt 67.596 tỷ đồng, chiếm 65,4% tổng giá trị phát hành.

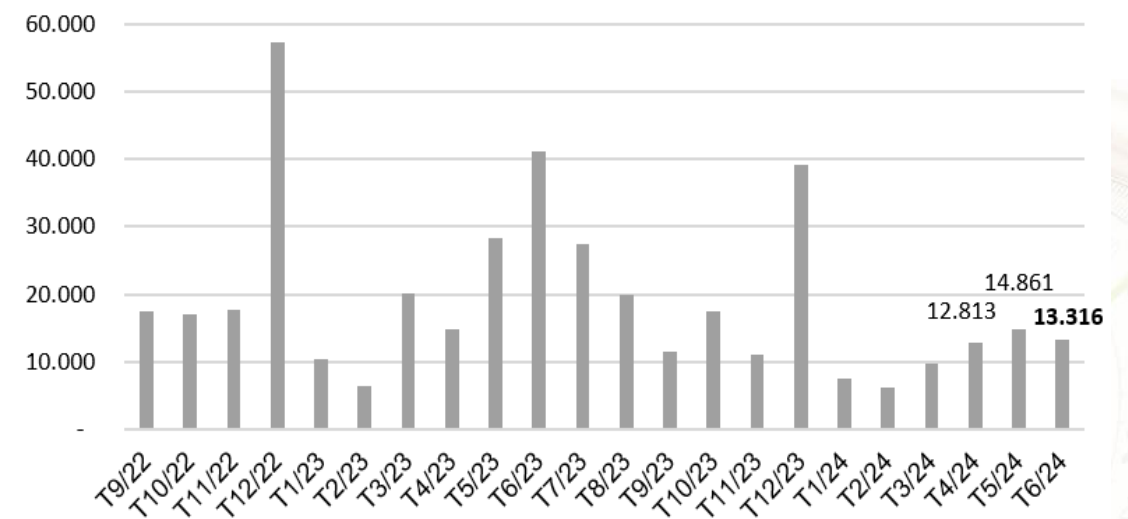
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Áp lực đáo hạn sẽ hạ nhiệt trong T7/24 và tăng trở lại vào các tháng cuối năm, hoạt động mua lại TPDN riêng lẻ trước hạn vẫn chững lại trong T6/24

Giá trị TPDN đáo hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn và các TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 27/06/2024



Tổng giá TPDN riêng lẻ mua lại trước hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - số liệu được tổng hợp đến ngày 27/06/24



- Theo số liệu của chúng tôi trong T7/24 sẽ có khoảng gần 3 nghìn tỷ đồng TPDNRL đáo hạn, áp lực đáo hạn giảm mạnh trong T7/24 và sẽ tăng trở lại trong các tháng cuối năm.
- Hoạt động mua lại TPDN riêng lẻ trước hạn trong T6/24 vẫn chững lại với tổng giá trị TPDN được mua lại đạt khoảng 13.316 tỷ đồng, giảm 10,4% so với tháng trước và giảm 67,6% svck.

3.3 Thị trường Bất động sản

Bộ Xây dựng công bố thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản Quý II năm 2024

1. Số lượng các dự án bất động sản được cấp phép và đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai trong Quý II/2024.

- Dự án được cấp phép mới: có 19 dự án với quy mô khoảng 10.230 căn, số lượng dự án được cấp phép mới bằng Quý I/2024 và bằng 126,67% svck năm 2023.
- Có 50 dự án với quy mô khoảng 13.167 căn, số lượng dự án đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai bằng 131,58% với Quý I/2024 và bằng 106,38% so với cùng kỳ năm 2023.

2. Lượng giao dịch chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền.

- Lượng giao dịch căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ: có 25.885 giao dịch thành công, giảm 27,8% sv quý trước, giảm 12,9% svck.
- Lượng giao dịch đất nền: có 124.991 giao dịch thành công, tăng 28,0% sv quý trước, tăng 85,9% svck.

3. Lượng hàng tồn kho

- Lượng HTK BĐS tại các dự án trong quý II/2024 vào khoảng 17.105 căn, nền (bao gồm 2.999 căn chung cư, 7.045 nhà ở riêng lẻ, 7.061 đất nền). Do đó, có thể thấy tỷ trọng tồn kho chủ yếu ở phân khúc bất động sản nhà ở riêng lẻ và đất nền của các dự án.

4. Giá giao dịch

- Trong Q2/24, giá nhà đã tăng khoảng 5-6.5% ở Hà Nội và TP.HCM và tăng 25% nếu tính cả năm tùy từng khu vực và vị trí, đặc biệt ở khu vực Hà Nội. Tình hình tăng giá nhà đã chững lại trong giai đoạn cuối quý 2 do giá nhà đã ở mức cao và tâm lý người mua đang chờ đợi.

5. Tín dụng đối với lĩnh vực bất động sản

- Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước, tính hết tháng 6, tín dụng bất động sản tăng 4,6%, trong đó kinh doanh bất động sản tăng 10,29%. Tuy nhiên, tín dụng cho tiêu dùng bất động sản chỉ tăng 1,15% nguyên nhân được cho là giá nhà đang chênh lệch lớn so với thu nhập của người dân, xu hướng này vẫn duy trì do kinh tế khó khăn và thu nhập chưa có dấu hiệu tăng trở lại.

3.4 Thị trường hàng hóa

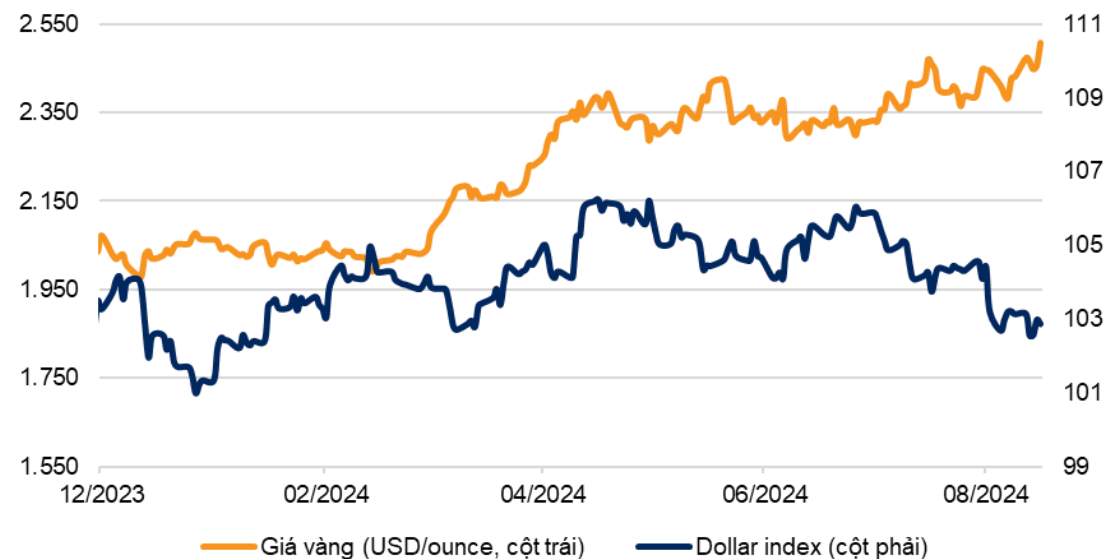
Diễn biến giá một số loại hàng hóa chúng tôi theo dõi (dữ liệu cập nhật đến ngày 16/08/2024):

		Thay đổi giá trong 1 tuần	Thay đổi giá trong 1 tháng	Thay đổi giá trong 1 năm	Thay đổi giá từ đầu năm 2024	Diễn biến giá trong 1 năm
Năng lượng	Dầu thô	0,03%	-4,84%	-4,52%	4,99%	
	Khí LNG	-6,83%	1,32%	4,53%	11,24%	
Công nghiệp - xây dựng	Than	0,51%	9,19%	-0,51%	14,87%	
	Quặng sắt	-5,85%	-12,11%	-8,01%	-33,22%	
	Đồng	3,77%	-6,76%	13,29%	6,78%	
	Niken	1,33%	-1,72%	-17,83%	-1,56%	
	PVC	-3,17%	-6,95%	-11,61%	-3,44%	
	Cao su	1,42%	3,54%	73,20%	37,99%	
	Gỗ	0,86%	10,52%	0,09%	-3,37%	
Nông nghiệp	Urê	-1,75%	-2,88%	-15,63%	5,47%	
	Lúa Mỹ	-2,30%	-0,14%	-11,33%	-12,65%	
	Gạo tằm 5%	1,98%	-0,56%	-0,64%	-12,26%	
	Đường	-2,44%	-8,10%	-25,47%	-13,73%	
	Thịt lợn	-0,32%	-1,10%	7,30%	27,16%	
Kim loại quý	Vàng thỏi	3,15%	1,58%	32,57%	21,81%	

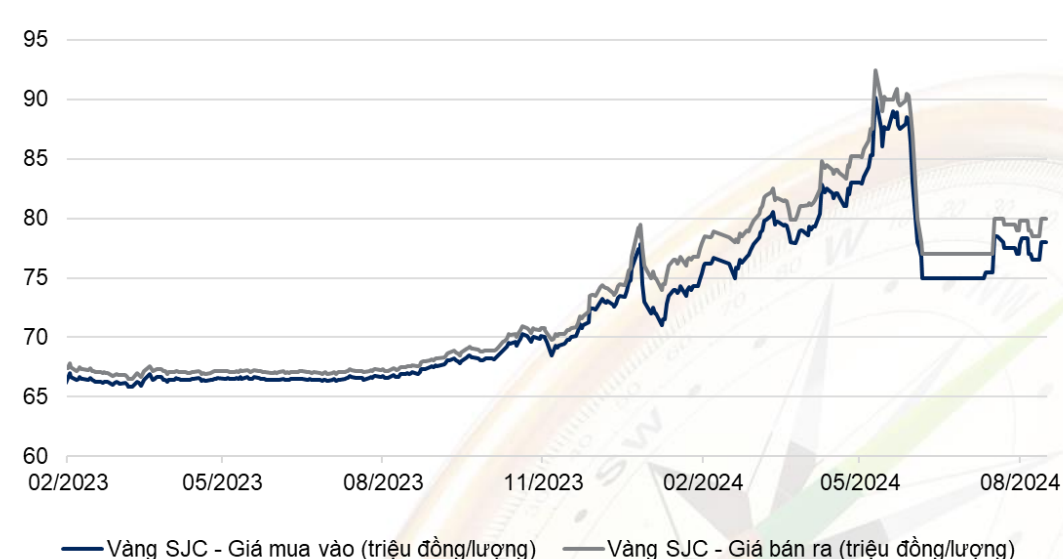
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá vàng thế giới lập đỉnh mới, được hỗ trợ bởi triển vọng FED cắt giảm lãi suất

Tính đến ngày 16/08, giá vàng thế giới đạt 2.507 USD/oz, tăng 3,1% sv tuần trước và tăng 1,5% sv tháng trước



Giá vàng SJC đạt 78,0-80,0 triệu đồng/lượng ở hai chiều mua bán, tăng 2,0%/1,9% sv tuần trước ở mỗi chiều

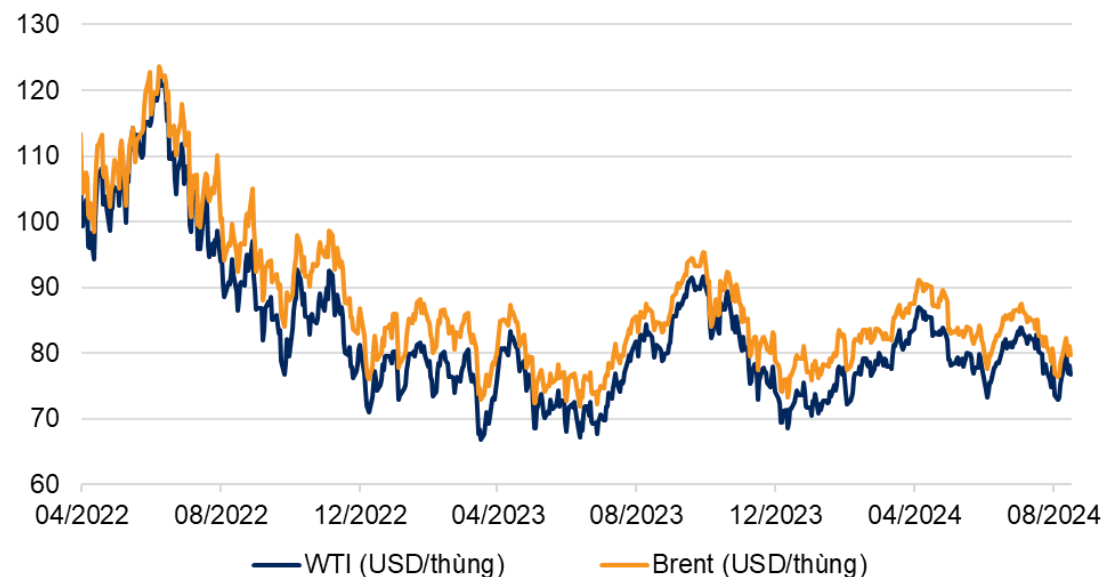


- Giá vàng thế giới tăng trở lại trong tuần qua, lập đỉnh lịch sử mới tại mức 2.507 USD/oz. Thị trường tiếp tục cho thấy sự đồng thuận rộng rãi về việc FED cắt giảm lãi suất 100 điểm cơ bản trong ba cuộc họp còn lại trong năm nay. Bên cạnh đó, giá vàng tiếp tục được hỗ trợ do tình hình căng thẳng địa chính trị chưa chấm dứt tại Trung Đông và những diễn biến leo thang giữa Nga – Ukraine làm tăng nhu cầu tích trữ tài sản phòng vệ.
- Trong nước, giá vàng miếng SJC chiều ngày 16/08 lần lượt đạt 78,0 triệu đồng/lượng chiều mua và 80,0 triệu đồng/lượng chiều bán, tăng 3,3%/3,9% sv tháng trước tại mỗi chiều. Chênh lệch giữa giá vàng SJC bán ra với giá vàng thời giao ngay tính đến ngày 16/08 ở mức 5,6 triệu đồng/lượng (tỷ giá USD/VND =25.050).

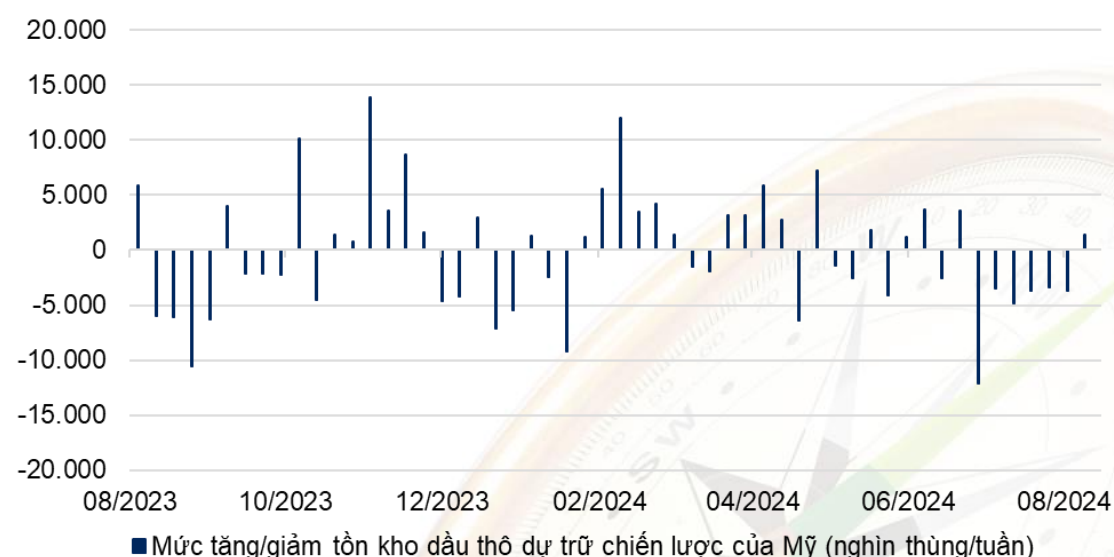
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá dầu thô giảm vào cuối tuần khi căng thẳng ở Trung Đông dịu lại và lo ngại nhu cầu tiêu thụ yếu

Tính đến ngày 16/08, giá dầu thô WTI và Brent đã lần lượt giảm 0,25%/0,03% sv tuần trước, đạt 76,7 và 79,7 USD/thùng



Dữ liệu tại kho dự trữ chiến lược tại Mỹ tăng rùng trở lại vào tuần đầu tháng 8, ở mức 1,36 triệu thùng



- Giá dầu thô giảm nhẹ trong tuần qua, sau các thông tin về việc Qatar thúc giục Iran giảm căng thẳng với Israel trong các cuộc đàm phán ngừng bắn đang diễn ra ở Gaza. Giá dầu ban đầu đã tăng vào đầu tuần do lo ngại về sự trả đũa của Iran đối với Israel nhưng đã điều chỉnh khi những rủi ro đó lắng xuống.
- Giá dầu giảm cũng đến từ lo ngại về nhu cầu suy yếu từ Trung Quốc. Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) và Cơ quan năng lượng quốc tế (IEA) đều đã hạ dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu do nền kinh tế Trung Quốc yếu đi. Tại thị trường tiêu thụ dầu hàng đầu khác là Mỹ, kho dự trữ chiến lược tăng rùng trở lại sau khi thâm hụt 6 tuần liên tiếp (tăng 1,36 triệu thùng, trái với dự đoán của thị trường về mức giảm 2 triệu thùng).

3.5 Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến các thị trường chứng khoán thế giới và khu vực

Chỉ số	Quốc gia	1 tuần	1 tháng	Từ đầu năm 2024	1 năm
Dow Jones	Mỹ	2,94%	-0,01%	7,88%	17,85%
S&P 500	Mỹ	3,93%	0,17%	16,45%	27,11%
Nasdaq	Mỹ	5,29%	-1,34%	17,46%	32,66%
Euro Stoxx 50	EU	3,53%	-0,61%	7,05%	14,90%
FTSE 100	Anh	1,75%	1,30%	7,48%	14,44%
Nikkei 225	Nhật Bản	8,86%	-4,98%	13,94%	21,23%
Shanghai	Trung Quốc	0,60%	-3,28%	-3,21%	-8,06%
Hang Seng	Trung Quốc	1,99%	-1,96%	2,25%	-2,90%
Taiwan Weighted	Đài Loan	4,10%	-4,48%	24,64%	36,43%
SET	Thái Lan	0,46%	-1,64%	-7,97%	-14,23%
KOSPI	Hàn Quốc	4,21%	-4,49%	1,59%	7,70%
Malaysia Top 100	Malaysia	1,43%	-2,21%	14,21%	15,74%
STI Index	Singapore	2,79%	-3,41%	3,48%	5,64%
IDX Composite	Indonesia	2,41%	1,52%	2,19%	8,34%
PHS All Shares	Philippine	2,31%	2,46%	7,79%	9,10%
VN-Index	Việt Nam	2,34%	-1,74%	10,82%	6,30%

Các số liệu kinh tế Mỹ công bố trong tuần qua giúp xoa dịu nỗi sợ hãi trước đó của nhà đầu tư về nguy cơ suy thoái của nền kinh tế Mỹ, nhờ đó giúp các chỉ số chứng khoán Mỹ phục hồi mạnh trong tuần qua. Kết tuần chỉ số S&P 500 tăng 3,93%, đánh dấu tuần tăng mạnh nhất kể từ tháng 11/2023. Nasdaq và Dow Jones cũng ghi nhận mức tăng tương ứng 5,29% và 2,94%.

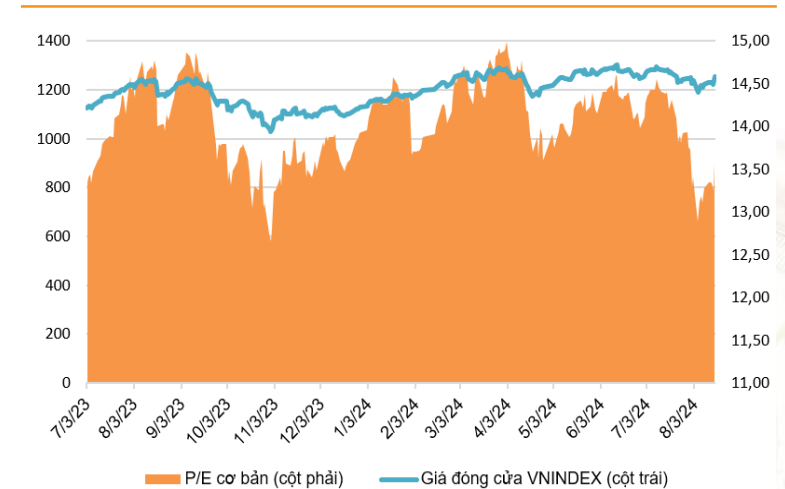
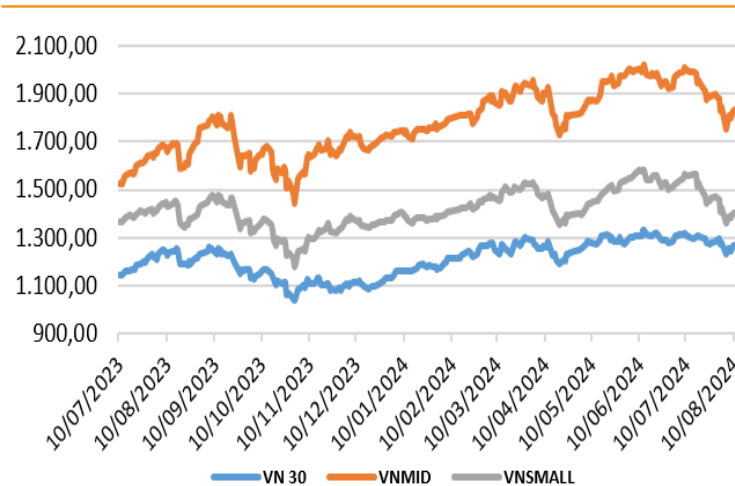
Với sự vào cuộc kịp thời của NHTW Nhật Bản để trấn an với các nhà đầu tư rằng BOJ sẽ không tăng lãi suất khi các thị trường tài chính không ổn định, Thị trường chứng khoán Nhật Bản đã ghi nhận 1 tuần phục hồi mạnh trong tuần qua, kết tuần chỉ số Nikkei 225 tăng gần 9%, đánh dấu tuần tăng mạnh nhất kể từ tháng 4/2020.

3.5 Thị trường CKVN: Thị trường phục hồi với thanh khoản duy trì ở mức thấp

VN-Index phục hồi sau 5 tuần giảm điểm, kết tuần tại mức 1.252,23 điểm, tăng 2,34% sv tuần trước

Chỉ số VN30/VNMID/VNSML đều tăng với mức tăng lần lượt là 2,12%/3,5%/2,25%

P/E 12 tháng của VNINDEX đang giao dịch ở mức 13,6x.



- Với 3 phiên tăng điểm trong đó là 1 phiên cuối tuần tăng mạnh, VN-Index có tuần phục hồi sau 5 tuần giảm điểm liên tiếp. Kết tuần VN-index tăng 28,59 điểm (+2,34%) lên 1.252,23 điểm. Thanh khoản giao dịch duy trì ở mức thấp, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 510,8 triệu cp/phiên, giảm 13,9% so với tuần trước và thấp hơn 16,2% so với trung bình 4 tuần gần nhất.
- Khối ngoại chuyển sang mua ròng với giá trị mua ròng trong tuần trên sàn HOSE là hơn 1.073 tỷ đồng. Khối tự doanh các công ty chứng khoán duy trì bán ròng tuần thứ 2 liên tiếp, với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là hơn 307 tỷ đồng.
- Các mã GVR và LPB là những mã có đóng góp tích cực cho VNINDEX với mức kéo chỉ số tăng lần lượt 2,12 điểm và 1,66 điểm. Ở chiều ngược lại HPG và POW là những mã kéo chỉ số giảm nhiều nhất, với mức kéo giảm lần lượt 0,69 điểm và 0,22 điểm.

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Diễn biến điểm số và thanh khoản các nhóm ngành

Ngành	1 tuần (%)	1 tháng (%)	Từ đầu năm (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	% thay đổi khối lượng (1 tuần)
Bán lẻ	3,8%	3,6%	76,3%	51,3	3,47	2,3%
Bảo hiểm	1,4%	-4,5%	27,3%	12,6	1,37	-3,9%
Bất động sản	2,5%	-1,6%	12,8%	17,2	1,25	-5,8%
Công nghệ TT	2,8%	-3,0%	54,8%	26,8	4,96	-24,4%
Dầu khí	3,9%	1,4%	38,4%	14,2	1,54	4,6%
Dịch vụ tài chính	3,8%	-4,2%	19,1%	16,8	1,57	-4,5%
Hóa chất	5,0%	-7,9%	69,6%	21,5	2,06	1,0%
Ngân hàng	2,1%	0,0%	24,4%	9,3	1,49	-32,4%
Tài nguyên cơ bản	-0,6%	-8,2%	11,1%	19,6	1,33	-10,3%
Thực phẩm&Đồ uống	1,4%	4,2%	44,8%	22,63	2,77	-27,0%
Viễn thông	6,3%	-28,3%	160,2%	39,5	5,83	2,0%
Xây dựng & Vật liệu	3,3%	-4,1%	24,8%	23,1	1,42	-8,1%
VN-Index	2,34%	-2,26%	10,82%	13,58	1,70	-14,0%

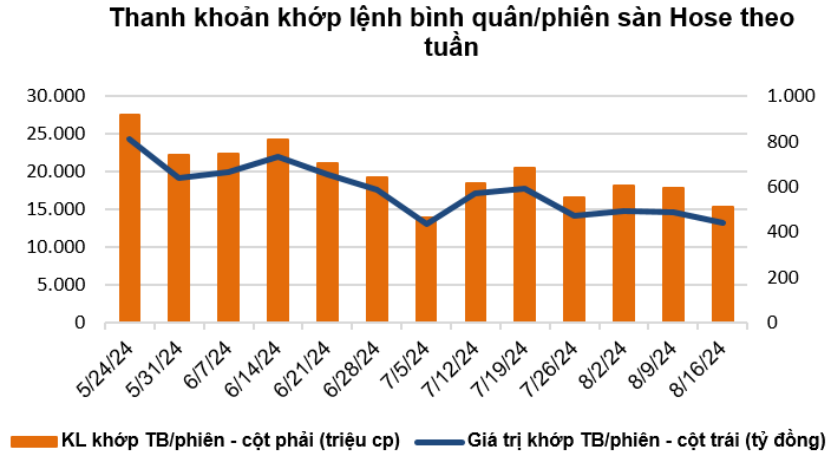
Thị trường phục hồi với sắc xanh lan tỏa ở hầu hết các nhóm ngành.

Nhóm Bất Động Sản Dân Cư đóng góp tích cực cho sự phục hồi của thị trường trong tuần qua với nhiều mã tăng, trong đó TCH (+9,34%), CEO (+8,63%), HDG(+6,45%), PDR (+6,21%), KDH (+4,21%), NVL (+4,82%), VHM (+3,23%), DIG (+2,59%)... Nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ Đầu Tư Công cũng tăng điểm tích cực trước thông tin Thủ Tướng đơn đốc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công trong các tháng còn lại của năm 2024, nhiều mã tăng mạnh như HHV (+8,72%), VCG(+5,25%), LCG (+3,85%), FCN (+2,86%), C4G (+2,17%)...

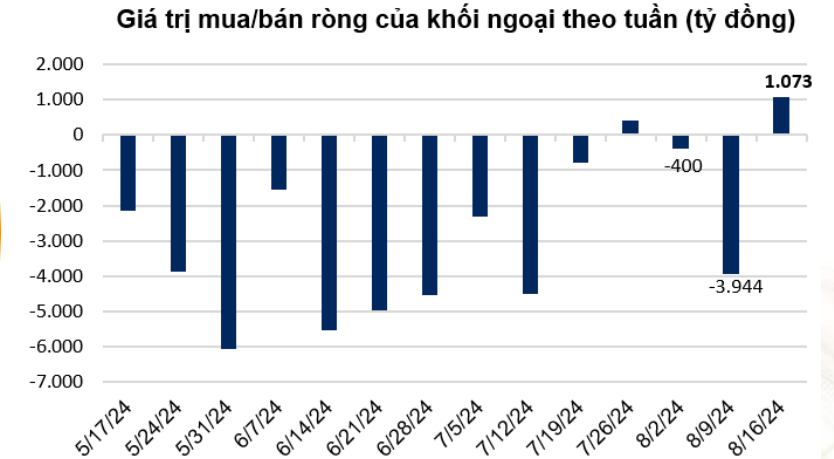
Nhóm Chứng khoán cũng có diễn biến tích cực, nhiều mã tăng mạnh như SHS(+5,88%), FTS (+5,72%), VIX (+5,29%), SSI (+4,47%), BSI (+3,19%) ...

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản thấp và khối ngoại chuyển sang mua ròng

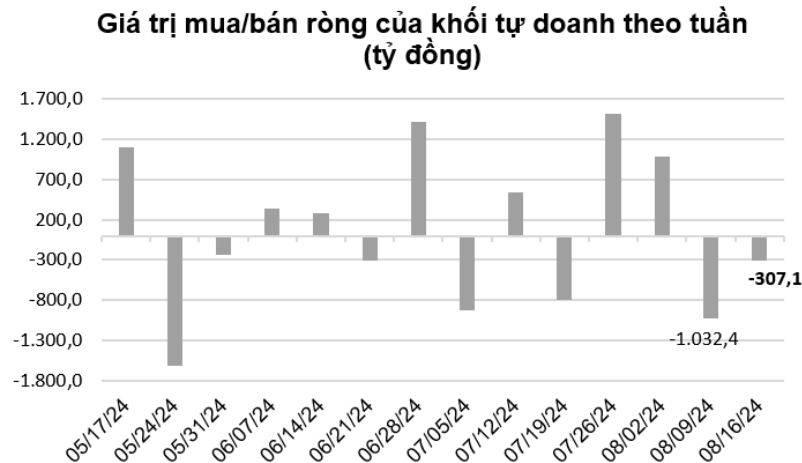
Thanh khoản duy trì ở mức thấp, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 510,8 triệu cp/phiên, giảm 13,9% sv tuần trước và thấp hơn 16,2% so với trung bình 4 tuần gần nhất.



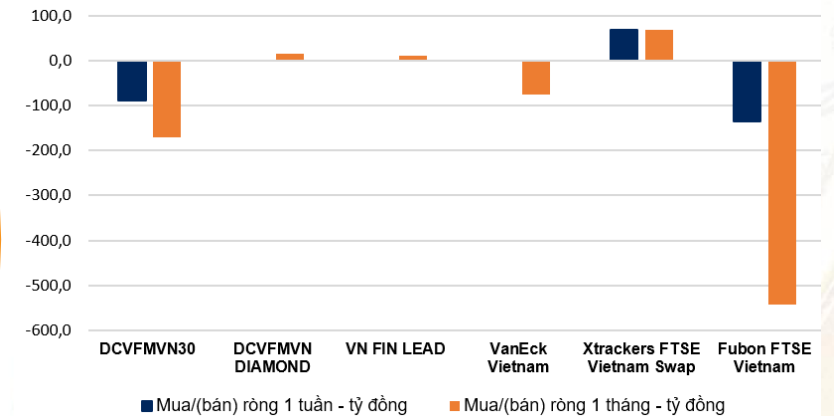
Khối ngoại chuyển sang mua ròng, giá trị mua ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối ngoại là hơn 1.073 tỷ đồng.



Khối tự doanh duy trì bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần của khối tự doanh là hơn 307 tỷ đồng

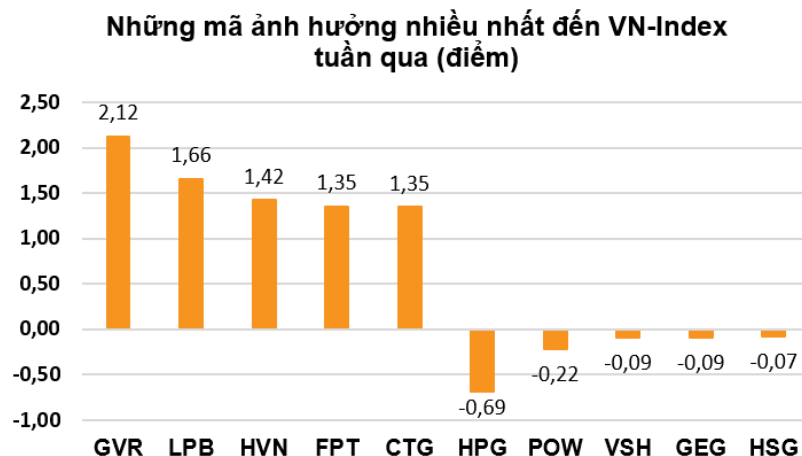


Tuần qua quỹ Fubon và quỹ DCVFMVN30 tiếp tục bán ròng với giá trị bán ròng lần lượt là 135 tỷ đồng và 88 tỷ đồng. Trong khi quỹ Xtrackers FTSE Vietnam mua ròng với giá trị mua ròng là 69 tỷ đồng.

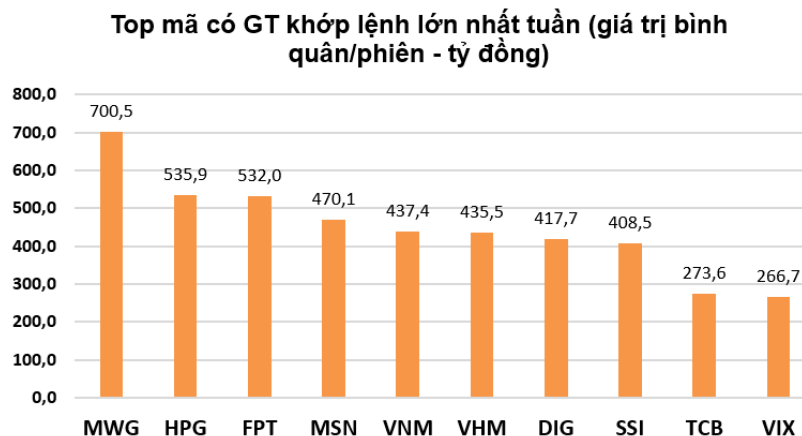


3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản thấp và khối ngoại chuyển sang mua ròng

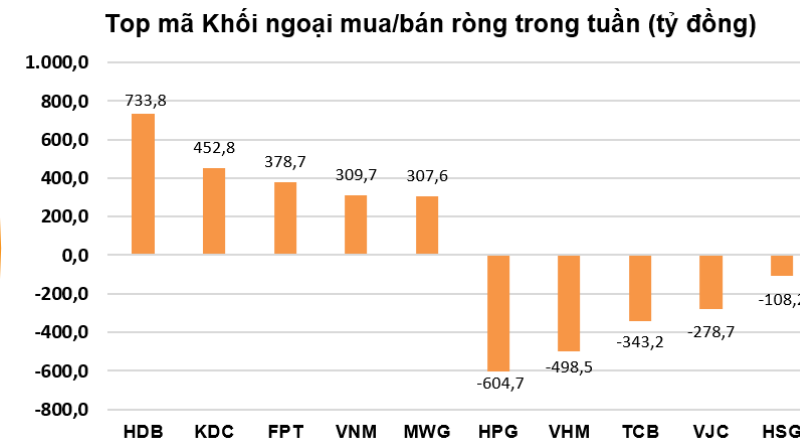
Các cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index trong tuần qua (mức tác động đến VNIndex – điểm)



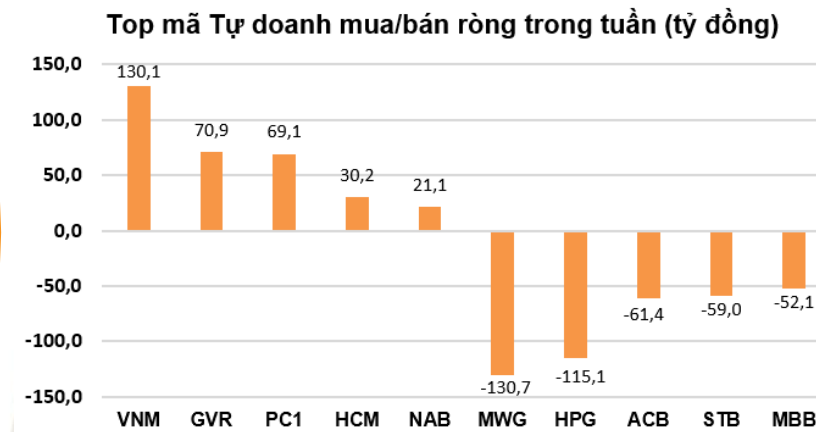
MWG là mã có giá trị khớp lệnh lớn nhất trong tuần với giá trị khớp trung bình là hơn 700 tỷ đồng/phiên, theo sau là các mã HPG và FPT với giá trị khớp lệnh trung bình/phiên lần lượt là hơn 535 tỷ đồng và hơn 532 tỷ đồng



Trong tuần từ 12 – 16/08 HDB là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị hơn 733 tỷ đồng. Trong khi HPG là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 604 tỷ đồng.



Trong tuần 12 – 16/08 VNM là mã được khối tự doanh mua ròng mạnh nhất với giá trị mua ròng hơn 130 tỷ đồng, trong khi MWG là mã được khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng là hơn 130 tỷ đồng.



Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
1	HPG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Đầu tư công	-1,73%	1,28%	31.700	23,83%
2	HHV	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Đầu tư công	8,72%	-7,39%	19.500	64,56%
3	VIB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	1,20%	-0,22%	25.900	22,46%
4	KBC	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Xu hướng tích cực của dòng vốn FDI	5,56%	-9,85%	40.000	50,38%
5	VNM	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	0,68%	12,49%	82.600	11,92%
6	QNS	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	-0,26%	1,32%	65.100	36,76%
7	HSG	06/03/2024	La bàn đầu tư T3/2024	Nhu cầu thép phục hồi	-2,40%	1,79%	32.000	57,25%
8	PVD	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	2,26%	-8,72%	36.800	35,29%
9	GMD	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	3,50%	-5,25%	90.200	13,03%
10	KDH	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Chính Phủ nỗ lực hỗ trợ TT BĐS	4,21%	0,31%	43.800	17,90%
11	VHM	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Chính Phủ nỗ lực hỗ trợ TT BĐS	3,23%	-2,25%	66.400	72,92%

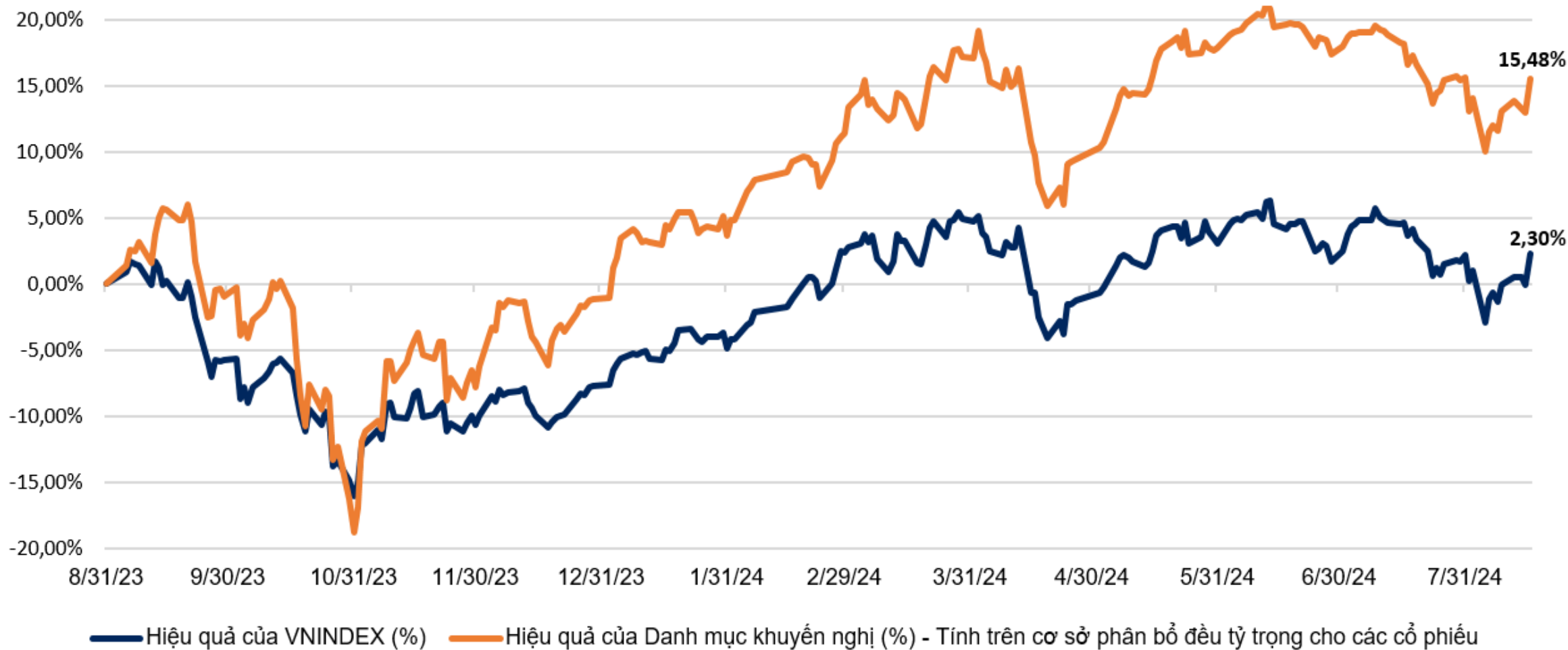
Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
12	MWG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Tiêu dùng nội địa phục hồi	5,18%	6,44%	72.100	4,49%
13	MBB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Vượt qua khó khăn, chờ ngày tươi sáng	2,56%	4,61%	28.400	18,09%
14	PNJ	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Tiêu dùng nội địa phục hồi	2,62%	0,45%	114.400	16,62%
15	HAH	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Mùa cao điểm đang đến	3,36%	-7,47%	48.000	15,66%
16	BAF	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Tiêu dùng nội địa phục hồi	1,94%	-9,17%	26.800	45,65%
17	VCB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Vượt qua khó khăn, chờ ngày tươi sáng	0,46%	0,61%	111.800	26,90%
18	VPB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Vượt qua khó khăn, chờ ngày tươi sáng	2,22%	-3,20%	23.700	28,80%
19	SCS	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Mùa cao điểm đang đến	0,00%	-3,63%	95.100	11,88%
20	HDG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Mùa nước về	6,45%	-10,69%	35.700	27,27%
22	ACV	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Mở cửa bầu trời đón khách quốc tế	3,00%	-9,05%	136.200	23,82%

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
1	DGW	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ hồi phục dần	61.600	11/09/2023
2	CTG	04/12/2023	La Bàn Đầu Tư T12/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	34.600	07/02/2024
3	GMD	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	81.000	01/03/2024
4	VHC	02/10/2023	La bàn đầu tư T10/23	Tín hiệu phục hồi từ xuất khẩu	74.000	04/03/2024
5	DGW	02/11/2023	La Bàn Đầu Tư T11/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.600	08/03/2024
6	PNJ	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	99.900	13/03/2024
7	MBB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	25.400	22/03/2024
8	IDC	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	62.700	06/05/2024
9	MWG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.500	15/05/2024
10	PHR	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	61.200	16/05/2024
11	PVS	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	46.500	20/05/2024
12	BAF	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Tăng trưởng mạnh trên nền thấp	23.000	29/05/2024
13	HAH	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	46.100	10/06/2024
14	FPT	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Triển vọng chất bán dẫn	135.900	21/06/2024
15	PLX	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Nhu cầu xăng dầu trong nước vẫn mạnh mẽ	47.100	15/07/2024

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị



THANK YOU

VNDIRECT RESEARCH
Email: research@vndirect.com.vn

